

PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI VƯỜN QUỐC GIA PHONG NHA – KÊ BÀNG QUA CẢM NHẬN CỦA NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Phan Thị Thu Hà
Trường Đại học Quảng Bình
Email: demenkyloe@gmail.com

Ngày nhận: 14/2/2019
Ngày nhận bản sửa: 06/6/2019
Ngày duyệt đăng: 05/01/2020

Tóm tắt:

Nghiên cứu này đánh giá tác động của phát triển du lịch đến Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng theo hướng bền vững trên 3 góc độ: kinh tế, xã hội và môi trường. Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp và thứ cấp. Số liệu sơ cấp được sử dụng để điều tra những tác động của du lịch đến kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương qua cảm nhận của người dân tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Kết quả cho thấy phát triển du lịch đã có nhiều tác động tích cực đến kinh tế, xã hội và môi trường tại đây, tuy nhiên việc phát triển du lịch chưa đồng bộ dẫn đến nhiều tác động chưa tốt đến cuộc sống của người dân.

Từ khóa: Phát triển du lịch bền vững, Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng; tác động của phát triển du lịch.

Mã JEL: A10

Sustainable tourism development in the national park of Phong Nha – Ke Bang through the feel of the local people

Abstract:

This study is conducted to investigate the impact of tourist development to the National Park of Phong Nha - Ke Bang towards sustainability on the economic, social and environmental angles. The metrics used in the research is primary and secondary data. Primary data were used to investigate the impact of tourism on economy, society and the environment of the local people's perception in the National Park of Phong Nha-Ke Bang. The results showed that tourism development has had many positive effects to the economy, society and the environment. However, the development of tourism is not yet synchronized led to many good yet to impact people's lives.

Keywords: Sustainable tourism development; National Park of Phong Nha-Ke Bang; impact of tourism development.

JEL code: A10

1. Đặt vấn đề

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng thuộc vùng du lịch Bắc Trung bộ, là khu vực có tiềm năng phát triển du lịch nổi bật ở tầm cỡ quốc tế, với hai lần được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới¹, được Thủ tướng chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (Thủ tướng Chính phủ, 2009). Tài

nguyên nổi trội của khu vực là du lịch sinh thái với các sản phẩm tiềm năng như khám phá hang động, khám phá – nghiên cứu đa dạng sinh học, tham quan thắng cảnh. Các tài nguyên du lịch nhân văn gắn với các di tích trên đường Hồ Chí Minh thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cũng có nhiều ý nghĩa đối với phát triển du lịch Phong Nha - Kẻ Bàng. Khu vực cũng

là nơi sinh sống của nhiều bản làng dân tộc có nhiều tiềm năng phát triển du lịch văn hóa, cộng đồng. Không chỉ là một trong những di sản văn hóa của thế giới có nhiều tiêu chí nổi bật toàn cầu, đây cũng là một trong những điểm liên kết thuận lợi với các tỉnh miền trung và tiểu vùng Sông Mê-Kông mở rộng (GMS).

Căn cứ vào những tiềm năng, lợi thế và khả năng phát triển du lịch, chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã định hướng phát triển Phong Nha - Kẻ Bàng thành một trong 47 vườn quốc gia (Thủ tướng chính phủ, 2013). Phát triển Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng sẽ góp phần đẩy mạnh hiệu quả hoạt động du lịch của tỉnh Quảng Bình và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xóa đói giảm nghèo và với sự nghiệp phát triển du lịch quốc gia cũng như bảo tồn tích cực di sản thế giới.

Tuy đạt được sự tăng trưởng tương đối cao trong những năm qua, nhưng du lịch ở Vườn quốc gia (VQG) Phong Nha - Kẻ Bàng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của mình. Du lịch tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng vẫn chưa khai thác hết thế mạnh của mình để phục vụ du lịch, đem lại nguồn thu cho tỉnh Quảng Bình cũng như tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương. Hiện nay cơ sở vật chất phục vụ du lịch đang còn yếu kém, các sản phẩm thân thiện với môi trường còn nghèo nàn và đơn điệu; chất lượng phục vụ du lịch chưa tốt, chất lượng nguồn nhân lực ngành du lịch còn thấp, ý thức của người dân và du khách trong việc bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch chưa thực sự tốt, hiệu quả của sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý với nhau cũng như với các doanh nghiệp du lịch, người dân địa phương trong việc phát triển du lịch bền vững chưa cao. Bên cạnh đó, những khó khăn trong việc chịu tác động bởi thời tiết không thuận lợi cũng như tính thời vụ của ngành du lịch... cũng ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển du lịch của khu vực Bắc Trung Bộ nói chung cũng như du lịch của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng nói riêng.

Tuy nhiên, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng luôn là điểm đến hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế. Điều này chắc chắn có những tác động nhất định đến kinh tế, xã hội và môi trường của địa phương. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá những tác động của du lịch đối với

các khía cạnh trên nhằm phát triển bền vững du lịch tại Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Quan niệm về phát triển du lịch bền vững

Trên thế giới hiện nay, phát triển du lịch bền vững đang là một trong những xu hướng quan trọng trong phát triển du lịch, góp phần đảm bảo sự cân bằng cho ngành Du lịch của các quốc gia, địa phương trên cả ba yếu tố là môi trường, xã hội và kinh tế (Sadler, 1988).

Nghiên cứu của Tosun (1998) đề xuất phát triển du lịch bền vững như là một trong những thành phần của phát triển du lịch và nó tạo ra những đóng góp đáng kể hoặc ít hoặc phủ nhận sự duy trì các nguyên tắc của sự phát triển trong một thời kỳ nhất định mà không tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu và mong muốn của thế hệ tương lai. Bổ sung vào quan điểm này, Hens (1998) chỉ ra rằng phát triển du lịch bền vững đòi hỏi sự quan tâm của các bên có liên quan đến việc quản lý các nguồn tài nguyên theo các cách thức khác nhau nhằm khai thác và cung cấp các sản phẩm du lịch đáp ứng các nhu cầu kinh tế, xã hội và thẩm mỹ trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, đa dạng hệ sinh thái và bảo đảm sự sống cho thế hệ mai sau.

Luật Du lịch Việt Nam (Quốc hội, 2011) cũng đề cập đến nội dung du lịch bền vững: “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai”.

2.1.2. Yêu cầu của phát triển du lịch bền vững

Theo UNWTO (2014), du lịch bền vững cần chú ý đến ba vấn đề: (i) Về môi trường: Sử dụng tối ưu các nguồn tài nguyên môi trường là yếu tố chính trong phát triển du lịch, duy trì các quy trình sinh thái thiết yếu và giúp bảo tồn di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học; (ii) Về xã hội và văn hóa: Tôn trọng tính chân thực văn hóa xã hội của các cộng đồng địa phương, bảo tồn di sản văn hóa được xây dựng và các giá trị truyền thống, góp phần tạo sự hiểu biết và khoan dung giữa các nền văn hóa; (iii) Về kinh tế: Đảm bảo các hoạt động kinh tế khả thi, lâu dài, mang lại các lợi ích kinh tế xã hội cho tất cả các bên liên quan được phân phối công bằng, bao gồm việc làm ổn định, các cơ hội kiếm thu nhập và các dịch vụ xã hội cho các cộng đồng địa phương,

góp phần xoá đói giảm nghèo.

Hiện nay có nhiều nghiên cứu du lịch bền vững và những tác động của phát triển du lịch bền vững trên ba góc độ: Xã hội, Kinh tế và Môi trường (hình 1), cụ thể như:

- Tác động của du lịch đến kinh tế

Khi nghiên cứu tác động của du lịch đến kinh tế, các nhà nghiên cứu chỉ ra những chiều tác động khác nhau. Theo Mason (2011), Trần Thị Mai & cộng sự (2006), Telfer & Sharley (2008) phát triển du lịch sẽ có những tác động tích cực đến nền kinh tế đất nước nói chung và kinh tế địa phương nói riêng như: tạo ngoại tệ; tăng nguồn thu cho ngân sách; góp phần cân bằng cán cân thanh toán quốc tế; tạo thu nhập cho người dân; tạo ra sự đa dạng các ngành kinh tế; khuyến khích và thu hút vốn đầu tư; góp phần phát triển vùng... Tuy nhiên, mặt trái của phát triển du lịch như gây sức ép ngày càng cao đối với hạ tầng cơ sở hạ tầng; nhu cầu cần sử dụng quỹ đất lớn gấp nhiều lần so với quỹ đất dùng để phát triển các ngành kinh tế khác...

- Tác động của du lịch đến xã hội

Các nhà nghiên cứu chỉ ra những tác động của du lịch đến xã hội như: Du lịch góp phần giải quyết việc làm cho nhân dân địa phương. Du lịch là ngành tạo ra nhiều việc làm thứ hai, sau nông nghiệp, ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam; Du lịch làm giảm quá trình đô thị hóa ở các nước có nền kinh tế phát triển; Du lịch là phương tiện tuyên truyền quảng cáo có hiệu quả; Du lịch làm tăng tầm hiểu biết chung về văn hóa – xã hội; thúc đẩy sự thịnh vượng và ổn định xã hội. Tuy nhiên, mặt trái của phát triển du lịch tác động đến xã hội có thể kể

đến như: Ngành du lịch mang tính thời vụ, do đó, ảnh hưởng rất lớn tới việc sử dụng lao động, gây quá tải về cơ sở hạ tầng; thay đổi lối sống truyền thống của cư dân; cấu trúc cộng đồng truyền thống bị thay đổi; tạo ra sự phân cực của xã hội; gia tăng các tệ nạn xã hội (tội ác, mại dâm) (Mason, 2011; Trần Thị Mai & cộng sự, 2006; Telfer & Sharley, 2008; Weaver & Lawton, 2006).

- Tác động của du lịch đến môi trường

Phát triển du lịch nói chung và du lịch sinh thái nói riêng đã mang lại nhiều lợi ích cụ thể như trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển bền vững; củng cố mối quan hệ và làm tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau; phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; cổ vũ hòa bình thế giới; thúc đẩy sự thịnh vượng và ổn định xã hội. Tuy nhiên, cũng giống như tác động của du lịch đến kinh tế và xã hội, phát triển du lịch cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho môi trường, cụ thể như: Du lịch làm ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến tài nguyên của đất nước do khai thác quá mức hoặc không hợp lý, gây sức ép lên tài nguyên thiên nhiên; làm giảm diện tích rừng; phá vỡ hệ sinh thái; gây xói mòn đất đai; tạo cảnh quan xấu xí; phá hủy hoặc làm xáo trộn môi trường sống của động vật hoang dã; thay đổi cấu trúc môi trường vĩnh viễn.

2.1.3. Tổng quan nghiên cứu

Sharpley (2000) trong nghiên cứu về du lịch và phát triển bền vững cho rằng phát triển bền vững tức là phát triển toàn diện, phát triển chỉ bền vững nếu trung hòa được mối quan hệ chính trị, kinh tế - xã hội và sinh thái. Trong khi đó, Lane (1994) cho rằng du lịch bền vững là mối quan hệ tam giác chặt chẽ, cân bằng giữa khu vực dân cư với môi trường sống

Hình 1: Phát triển bền vững du lịch theo quan niệm của quốc tế



Nguồn: Sadler (1988)

và văn hóa của họ, các nhà cung cấp dịch vụ du lịch và ngành công nghiệp du lịch.

Choi & Sirakaya (2005) phát triển thang đo đo lường thái độ của người dân đối với du lịch bền vững (SUS-TAS). Để đo lường SUS-TAS, hai nhà nghiên cứu xây dựng bộ thang đo gồm có 07 nhân tố: (1) Môi trường bền vững; (2) Chi phí xã hội; (3) Lợi ích kinh tế; (4) Sự tham gia của cộng đồng; (5) Kế hoạch dài hạn; (6) Sự hài lòng của du khách và (7) Kinh tế tập trung vào cộng đồng. Sau đoạn nghiên cứu sơ bộ, nghiên cứu chính thức với thang đo có 51 quan sát được thực hiện với 800 hộ gia đình tham gia vào du lịch cộng đồng ở Texas. Sau quá trình sàng lọc dữ liệu, tác giả tiến hành kiểm định thang đo bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, loại các biến không phụ thuộc, kết quả có 41 biến phù hợp để phân tích nhân tố khám phá EFA. Đây chỉ là quá trình tác giả xây dựng bộ thang đo về phát triển du lịch bền vững, nhưng là cơ sở khoa học quan trọng để các nghiên cứu sau này phát triển các bộ thang đo tiếp theo.

Tại Việt Nam có một số công trình nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững như Trịnh Phi Hoàn (2013) nghiên cứu về tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển theo hướng bền vững ở tỉnh Đồng Tháp. Để đánh giá một điểm du lịch tự nhiên theo thang điểm tổng hợp, nhiều tác giả sử dụng 5 - 7 chỉ tiêu định tính khác nhau. Đối với tiềm năng du lịch tự nhiên tỉnh Đồng Tháp, các chỉ tiêu được lựa chọn là: Độ hấp dẫn và khả năng tổ chức nhiều loại hình du lịch; Vị trí, khả năng tiếp cận điểm du lịch; Độ bền vững của tài nguyên, môi trường; Sức chứa của điểm du lịch; Thời gian hoạt động du lịch. Dựa trên các tiêu chí này kết hợp với phân tích thực trạng của tiềm năng tự nhiên để phát triển bền vững, tác giả đưa đến kết luận là Đồng Tháp có nhiều tiềm năng tự nhiên để phát triển du lịch, nhất là các loại hình du lịch sinh thái miệt vườn, du lịch dựa vào cộng đồng, du lịch "home stay", du lịch mùa nước nổi, du lịch cuối tuần, du lịch nghiên cứu... Để khai thác, sử dụng tiềm năng tự nhiên cho phát triển du lịch theo hướng bền vững, tỉnh Đồng Tháp cần tiến hành điều tra tổng thể, xác định các thế mạnh nổi bật, xây dựng các mô hình du lịch với sự tham gia của cộng đồng dân cư, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các điểm du lịch có nhiều tiềm năng phát triển.

Bùi Thị Minh Nguyệt (2012) với nghiên cứu về

"Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Vườn quốc gia Ba Vì" cho rằng du lịch sinh thái là một loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và nâng cao trách nhiệm của cộng đồng với thế giới tự nhiên. Tác giả tiến hành phân tích dựa trên số liệu thứ cấp về các vấn đề như: Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Ba Vì; Thực trạng hoạt động kinh doanh du lịch tại Vườn quốc gia Ba Vì. Từ việc phân tích số liệu, nghiên cứu đã đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển bền vững các hoạt động du lịch trên 3 khía cạnh: Bền vững về kinh tế, bền vững về môi trường và bền vững về xã hội.

Nói tóm lại, trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng có rất nhiều công trình nghiên cứu về phát triển du lịch bền vững. Trên cơ sở của các nhà nghiên cứu đi trước, nghiên cứu này phát triển trên hai khía cạnh: phân tích thực tế tình hình phát triển du lịch bền vững ở Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng và đánh giá của người dân về thực trạng phát triển du lịch bền vững ở khu vực vùng đệm Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Để nghiên cứu tác động của du lịch đến Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, tác giả thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp. Số liệu sơ cấp nhằm đánh giá tình hình phát triển du lịch của Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng trong giai đoạn 2015-2017. Số liệu này được thu thập từ số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch Việt Nam (VNAT), Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) và các nghiên cứu trước đây. Số liệu sơ cấp nhằm điều tra cảm nhận của người dân địa phương về phát triển du lịch ở Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Số liệu này được điều tra bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi để thu thập ý kiến đánh giá của người dân địa phương về các vấn đề liên quan đến tác động của phát triển du lịch. Bảng câu hỏi được thiết kế thành 2 phần: Phần 1 gồm những câu hỏi liên quan đến thông tin cá nhân của đáp viên: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, địa bàn cư trú, tình hình tham gia vào hoạt động du lịch. Tác động của du lịch đến kinh tế, xã hội và môi trường được thiết kế trong phần 2. Thang đo định danh, thứ bậc và khoảng được sử dụng để đo lường những câu hỏi trong phần 1. Những biến ở phần 2 được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ (1: hoàn toàn không đồng ý, 2: không đồng ý, 3: trung lập, 4: đồng

ý, 5: hoàn toàn đồng ý).

Với một không gian phân bố rộng và căn cứ vào phạm vi hiện tại của phát triển du lịch ở Phong Nha – Kẻ Bàng, tác giả chỉ tiến hành khảo sát với người dân sống ở vùng đệm xung quanh Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc 3 xã: Sơn Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch và với qui mô mẫu được xác định theo công thức của Yamane (1973).

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó: n là số lượng mẫu cần xác định cho nghiên cứu điều tra; N là số hộ gia đình trong cộng đồng; e là độ sai số được tính bằng phần trăm sai số của số gốc (phản ánh mức độ chính xác mong muốn).

Với độ sai số phù hợp là e = 5% (ứng với mức độ tin cậy là 95%). Trong nghiên cứu này, số hộ dân tính đến năm 2017 tại khu vực nghiên cứu theo số liệu thống kê của 03 xã (Bảng 1) là N = 6609 hộ nhân khẩu (Chi cục Thống kê huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, 2017).

Theo công thức trên, lượng mẫu cần xác định là:

$$n = \frac{6609}{1 + 6609 \times (0,05^2)} = 377$$

Như vậy tổng số phiếu điều tra để đạt độ tin cậy 377 phiếu. Trong nghiên cứu này, tác giả phát 400 phiếu điều tra để đảm bảo cỡ mẫu nghiên cứu.

Cỡ mẫu và phân bố mẫu nghiên cứu cụ thể như sau:

2.2.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Đối với số liệu sơ cấp, tác giả sử dụng phần mềm SPSS 20 được sử dụng để mã hóa, lưu trữ và phân tích dữ liệu từ bảng câu hỏi. Phương pháp được sử dụng để phân tích dữ liệu là thống kê mô tả. Phương pháp này dùng để tóm tắt các trị số đo lường của một biến dưới dạng tần số, tần suất (%), số trung bình và độ lệch chuẩn.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phân tích mẫu nghiên cứu

Tỷ lệ nam và nữ của mẫu điều tra lần lượt là 58,2% và 41,8%. Có thể nhận thấy rõ là nam giới chiếm tỷ lệ cao hơn nữ giới. Do đặc thù các loại hình của du lịch Phong Nha là du lịch thám hiểm hang động nên phần đông nam giới tham gia, tìm kiếm cơ hội thu nhập từ các công việc trong ngành du lịch như: chèo thuyền, vận chuyển đồ đạc cho khách du lịch, làm nghề xe ôm chở khách du lịch tham quan các điểm du lịch sinh thái hay mạo hiểm.

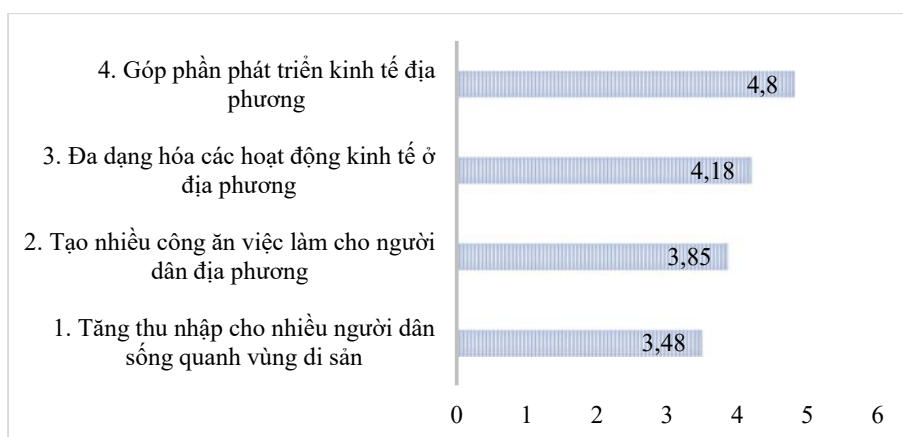
Phần lớn người tham gia khảo sát ở độ tuổi từ 18 đến 50 (trên 78%) trong đó 22,4% ở lứa tuổi 18 đến 30, đây là nguồn nhân lực rất tiềm năng cho ngành du lịch của địa phương trong tương lai. Phần lớn họ có trình độ học vấn là trung học phổ thông, chỉ có 11,2% các chủ hộ được hỏi chưa được đào tạo qua trường lớp, 12,2% số người được điều tra có trình độ đại học và sau đại học, chủ yếu họ là cán bộ các xã. Điều này cho thấy khả năng hiểu và nắm bắt thông tin để trả lời của các hộ dân ở mức tương đối cao. Tuy nhiên, 11,2% số người được phỏng vấn chưa từng qua trường lớp nào là vấn đề đáng lo ngại ở một số xã của khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng vì trình độ học vấn thấp là một trong những rào cản hạn chế sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch, đe dọa mô hình phát triển du lịch bền vững tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

Theo kết quả điều tra, nguồn thu hiện tại của người dân các xã vùng đệm thuộc khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng chủ yếu đến từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi (35,7% số mẫu điều tra). Nguồn thu chủ yếu thứ hai là từ các dịch vụ khác như: bán hàng lưu niệm, kinh doanh nhỏ lẻ, chèo thuyền vào hang động, chụp ảnh, porter... (chiếm 20,4% số mẫu điều tra). Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng có hơn 80% cư dân sống bằng nghề nông nghiệp và lâm nghiệp, nghề đem lại nguồn thu chính yếu cho gia đình thì nay sinh kế truyền thống này đã giảm đáng

Bảng 1: Cỡ mẫu nghiên cứu phân theo đơn vị hành chính

TT	Đơn vị xã	Tổng thể mẫu	Tỷ lệ (%)	Số mẫu (người)
1	Sơn Trạch	2674	40,5	162
2	Phúc Trạch	2507	37,9	152
3	Xuân Trạch	1428	21,6	86
Tổng		6609	100	400

Hình 2: Ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế



kể. Nguyên nhân là từ khi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới (2003, 2015), các hoạt động lâm nghiệp và nông nghiệp gây ảnh hưởng đến việc bảo tồn và đa dạng sinh học đều bị cấm và người dân phải chuyển đổi sinh kế của họ. Theo đó, các hộ gia đình trước đây có thành viên trong gia đình đi vào rừng khai thác gỗ, lâm sản và săn bắt động vật hoang dã trái phép đã chuyển hướng sang các nghề liên quan đến phát triển du lịch và một số ngành khác.

3.2. Ảnh hưởng của du lịch đến địa phương qua cảm nhận của người dân

Tác động của du lịch đến kinh tế

Tác động về mặt kinh tế của hoạt động du lịch đến địa phương được xác định bao gồm những nhận định về việc tăng thu nhập cho nhiều người dân sống xung quanh vùng di sản, tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân, đa dạng hoá các hoạt động kinh tế ở địa phương và góp phần phát triển kinh tế địa phương. Ảnh hưởng *Góp phần phát triển kinh tế địa phương* (GTTB = 4,8) được nhiều người khảo sát đồng ý nhất, tiếp theo là *Đa dạng hóa các hoạt động kinh tế ở địa phương* (GTTB = 4,18), *tạo nhiều công*

ăn việc làm cho người dân (GTTB = 3,85) được nhiều người dân đồng ý. Một điều không thể phủ nhận được rằng, hoạt động du lịch phát triển đã tạo ra được rất nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương như buôn bán nhỏ, làm thuê, làm thời vụ tại các trung tâm, địa điểm bán vé, lái thuyền, cửa hàng bán đồ lưu niệm hay đặc sản địa phương... Càng nhiều du khách đến tham quan, khám phá thì nhu cầu mua sắm, nhu cầu sử dụng các dịch vụ bổ sung tại các điểm đến càng tăng lên. Có 47% hộ dân đồng ý rằng phát triển du lịch làm tăng thu nhập cho nhiều người dân sống xung quanh vùng di sản.

Thực tế cho thấy hoạt động du lịch đóng góp rất nhiều vào ngân sách địa phương. Trong giai đoạn nghiên cứu, đóng góp của hoạt động du lịch cho nguồn thu ngân sách khá lớn. Con số cụ thể như trong Bảng 2.

Kết quả ở bảng 2 cho thấy trong giai đoạn 2015-2017, tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện giảm nhẹ ở năm 2016 nhưng tăng mạnh trong năm 2017. Trong đó, phần thu từ hoạt động ăn uống, lưu trú và lữ hành chiếm tỷ lệ khá cao trong tổng thu. Năm 2016, thu từ hoạt động ăn uống, lưu trú chiếm tỷ lệ

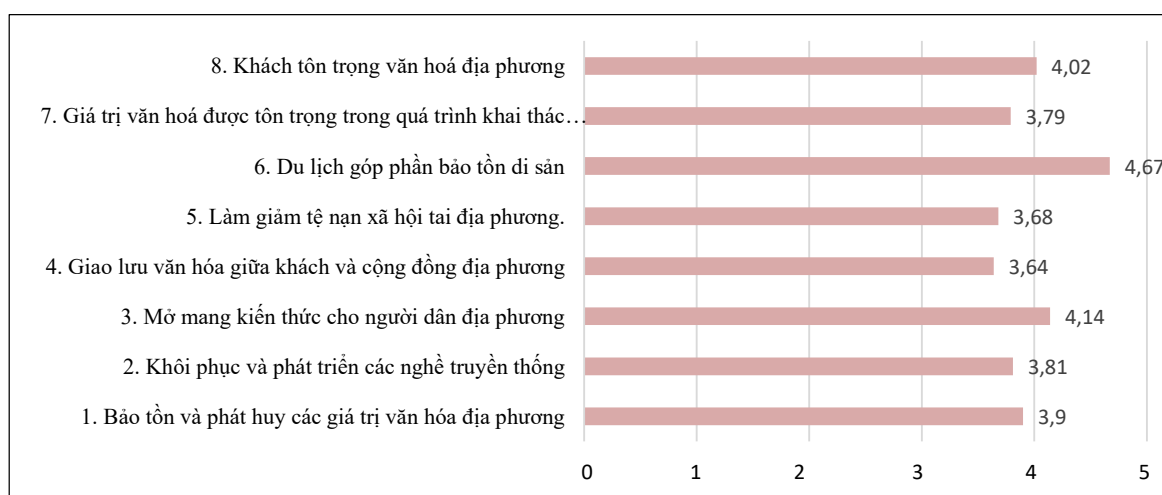
Bảng 2: Tình hình thu ngân sách huyện Bố Trạch giai đoạn 2015-2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	CL 2016/2015		CL 2016/2015	
				+/-	%	+/-	%
Tổng thu ngân sách	949.788	937.692	1.278.839	-12096	-1,27	341146	26,68
Thu từ hoạt động ăn uống, lưu trú	277.321	312.528	270.948	35207	12,70	-41580	-15,35
Thu từ hoạt động lữ hành	173.049	242.379	219.120	69330	40,06	-23259	-10,61

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Bố Trạch 2015, 2016, 2017.

Hình 3: Ảnh hưởng của du lịch đến xã hội



gần 30% tổng thu của địa phương, trong khi đó thu từ hoạt động lữ hành chiếm tỷ trọng hơn 18%. Trong năm 2016, thu từ hoạt động ăn uống và lưu trú tăng mạnh so với năm 2015, đặc biệt là thu từ hoạt động lữ hành, tăng hơn 40% so với số liệu năm trước. Năm 2017, do sự cố Formosa, du lịch của toàn tỉnh Quảng Bình nói chung và huyện Bố Trạch nói riêng bị ảnh hưởng, lượng khách du lịch đến đây ít đi, do đó mặc dù nguồn thu tăng lên song thu từ các hoạt động du lịch giảm xuống, trong đó, thu từ hoạt động ăn uống, lưu trú giảm trên 15%, thu từ hoạt động lữ hành giảm gần 11%. Trong giai đoạn gần đây, nền kinh tế tiếp tục khởi sắc, cùng với chính sách thu hút du lịch của tỉnh, lượng khách ngày càng tăng, do đó nguồn thu từ hoạt động du lịch sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn thu chung của huyện.

Ngoài ra, di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi có nhiều dự án nghiên cứu quốc tế quan tâm, tuy nhiên hầu hết tập trung vào việc nghiên cứu các giá trị tài nguyên và hướng bảo tồn và quản lý các nguồn tài nguyên, có thể kể đến như: 45 triệu USD đã được huy động cho đầu tư du lịch, bao gồm khoảng 4,5 triệu USD từ ngân sách của chính phủ cho phát triển cơ sở hạ tầng trong tỉnh (Bộ Xây dựng, 2017). Hiện có khoảng 25 dự án đăng ký về đầu tư du lịch của tư nhân/phi chính phủ, trong đó có hai dự án đã hoàn thành. Điểm du lịch sinh thái suối nước Mọc thuộc dự án GTZ “Bảo tồn và Quản lý bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng,” do Chính phủ Đức tài trợ xây dựng tuyến đường du lịch sinh thái suối nước Mọc. Dự án phát triển du lịch khu vực tiểu vùng sông Mekong

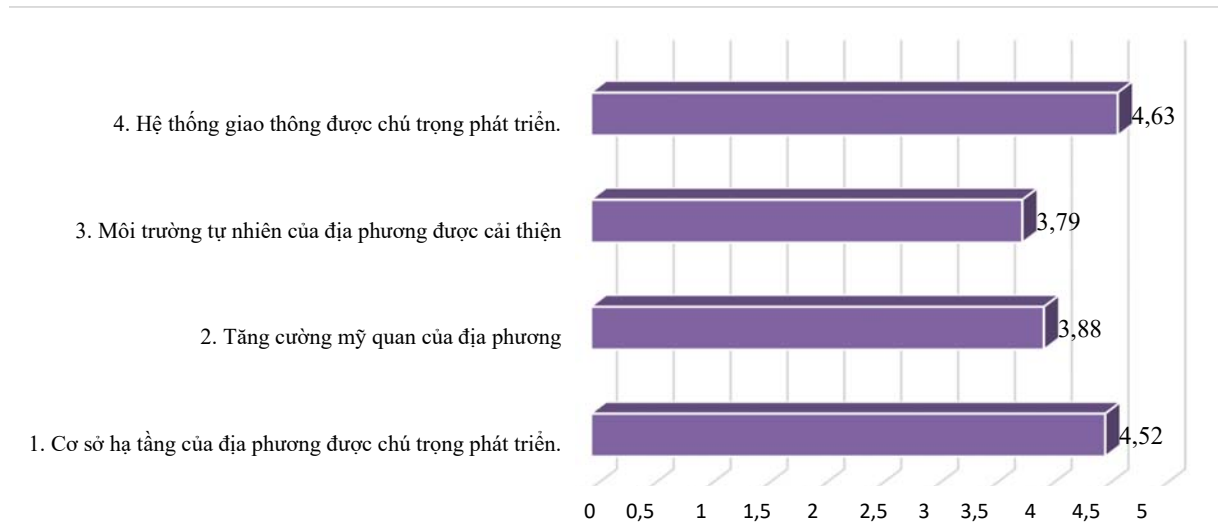
đầu tư trên 3 triệu USD để giúp tỉnh Quảng Bình triển khai “Dự án phát triển du lịch Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng” và nhiều dự án khác nữa. Kết quả này cho thấy tác động của du lịch đến nền kinh tế địa phương là rất tích cực.

Vườn quốc gia là đơn vị sử dụng lao động du lịch lớn nhất trong khu vực vùng đệm. Trung tâm Văn hóa du lịch sinh thái của Vườn quốc gia có 150 lao động. Nhiều hướng dẫn viên có bằng đại học, toàn bộ hướng dẫn viên có thẻ hướng dẫn. Lao động tại các khách sạn thuộc Đô thị du lịch Phong Nha, các nhà nghỉ, nhà hàng và quầy lưu niệm ước khoảng 2.000 người làm việc bán thời gian, tương đương 1.000 lao động toàn thời gian. Du lịch cũng thu hút được một số lượng đáng kể người dân tại chỗ hoặc khu vực lân cận Đô thị du lịch Phong Nha và Sơn Thủy tham gia. Với sự thu hút cộng đồng tham gia hoạt động du lịch, tỉ lệ đói nghèo trong huyện đã giảm đáng kể, từ 27% năm 2001 xuống 8,5% năm 2005 và giảm bình quân 4-5% mỗi năm. Bình quân thu nhập đầu người hàng năm khoảng 4,5 triệu đồng/tháng. Hiện tại, có khoảng 310 thuyền phục vụ tham quan động Phong Nha. Các thuyền này chủ yếu do các hộ gia đình địa phương sở hữu và điều hành, sản xuất lao động là 1 chuyến/ngày vào mùa cao điểm. Ước tính có khoảng 650 người tham gia chạy thuyền tham quan trong mùa cao điểm.

Tác động của du lịch đến xã hội

Trong các nhân tố được đưa vào bảng hỏi điều tra, người dân đánh giá tiêu chí *Du khách góp phần bảo tồn di sản* cao nhất (GTTB=4,67). Điều đó chứng tỏ rằng du lịch một phần nào tạo cơ hội việc làm cho

Hình 4: Ảnh hưởng của du lịch đến cơ sở hạ tầng và môi trường



người dân nên giảm thiểu việc săn bắn bẫy bắt, phụ thuộc vào rừng của người dân địa phương. Yếu tố tiếp theo được đáp viên đánh giá cao là *mở mang kiến thức cho người dân địa phương* (GTTB=4,14). Thực tế hoạt động du lịch góp phần mở mang kiến thức cho nhiều người dân địa phương thông qua các hoạt động giao tiếp với khách, bán hàng lưu niệm, làm hướng dẫn viên và buôn bán kinh doanh nhỏ. Đối với tiêu chí *giao lưu văn hóa giữa khách và cộng đồng địa phương* có giá trị trung bình thấp nhất chứng tỏ rào cản về ngôn ngữ, bản sắc văn hóa vùng miền và trình độ ngoại ngữ là những yếu cản trở trong việc giao tiếp, đặc biệt khi giao tiếp với du khách nước ngoài.

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới có những tác động tích cực đáng kể đến phát triển xã hội tỉnh Quảng Bình nói chung và khu vực vùng đệm Vườn quốc gia nói riêng. Có thể kể đến như: Sân bay Đồng Hới đã được xây dựng và đưa vào hoạt động từ năm 2008, với tuyến bay nối với Sân bay quốc tế Nội Bài ở Hà Nội và Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất. Đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng tăng, hiện nay tần suất chuyến bay đến Quảng Bình từ hai đầu đất nước đã tăng đáng kể (trên 6 chuyến /ngày); Số lượng cơ sở lưu trú tăng cao: đến cuối năm 2017, toàn tỉnh Quảng Bình có 241 cơ sở lưu trú du lịch có đăng ký với tổng số 3.493 buồng. Trong đó có 72 khách sạn xếp hạng sao bao gồm 1 khách sạn 5 sao (Sun Spa Resort), hai khách sạn bốn sao là khách sạn Sài Gòn – Quảng Bình và khách

sạn Mường Thanh Holiday Quảng Bình.

Ngoài ra, phát triển du lịch có tác động tích cực đến nâng cao dân trí trong khu vực vùng đệm. Trong những năm gần đây, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các khách sạn lớn tại Đồng Hới và đã tích cực tổ chức các khóa đào tạo để phát triển nguồn nhân lực du lịch. Hơn 700 nhân viên trong lĩnh vực lễ tân đã tham gia các khóa đào tạo về ngành nghề chuyên môn. Tuy nhiên, điểm hạn chế có thể kể đến như: nhiều cán bộ quản lý Vườn quốc gia không được đào tạo chính quy về quản lý du lịch, còn thiếu hiểu biết về chính sách và quy hoạch du lịch, phát triển sản phẩm du lịch, tiếp thị du lịch, chất lượng và tiêu chuẩn phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch và nghiên cứu, thống kê về du lịch. Trình độ tiếng Anh của hướng dẫn viên vẫn còn rất thấp. Một số khóa huấn luyện kỹ năng an toàn và hướng dẫn du khách đã được tổ chức cho người dân tham gia hoạt động lái thuyền, tuy vậy, so với yêu cầu cần thiết thì những lao động này và cư dân địa phương khác làm việc trong lĩnh vực dịch vụ du lịch ít được đào tạo và kinh nghiệm với du khách quốc tế.

Vườn quốc gia là mẫu chuẩn hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi rộng lớn nhất Việt Nam, một trong những khu rừng đặc dụng hàng đầu của cả nước, là nơi lưu giữ nhiều giá trị khoa học được các nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm và công nhận. Việc khai thác hiệu quả và đảm bảo không tổn hại đến các di tích là một thành tích đáng kể của những người làm công tác quản lý ở đây. Di sản nằm trong khu vực có mật độ dân cư đông với nhiều hoạt động diễn ra như

trồng trọt, du lịch, giao thông, có tác động đến tính toàn vẹn. Tuy nhiên, các hoạt động này hiện đang được kiểm soát và quản lý chặt chẽ. Do đó, cảnh quan thiên nhiên, giá trị địa chất, địa mạo và những nét đặc trưng tiêu biểu như rừng nguyên sinh, hang động, sông, suối trong khu vực Di sản vẫn được duy trì nguyên vẹn.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng phát triển du lịch đang tác động khá tích cực đến văn hóa địa phương, những nét đẹp truyền thống được bảo tồn, đây cũng được coi là chiến lược nhằm thu hút khách du lịch muốn tham quan và khám phá văn hóa địa phương.

Ảnh hưởng của du lịch đến cơ sở hạ tầng và môi trường địa phương

Kết quả phân tích cho thấy có hai tiêu chí *Tăng cường mỹ quan của địa phương* (GTTB=3,98) và *môi trường tự nhiên của địa phương được cải thiện* (GTTB=3,79) thấp hơn so với các tiêu chí khác cho thấy quan điểm rõ ràng của người dân về phát triển du lịch đến môi trường, nguyên nhân có thể là do hàng ngày họ chứng kiến các tác động xấu đến môi trường di sản như vấn đề xả rác hay sức ép của du khách lên di sản vào mùa cao điểm du lịch.

Cơ sở hạ tầng của địa phương được chú trọng phát triển (GTTB=4,52) được đánh giá khá cao. *Ảnh hưởng hệ thống giao thông được chú trọng phát triển* (GTTB=4,63) được đánh giá ở mức cao nhất. Việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để phát triển Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng là một nguyên nhân quan trọng hình thành nên đường Hồ Chí Minh đi qua Vườn quốc gia và Vùng Đệm. Cơ sở hạ tầng chung của địa phương được cải thiện nhằm thúc đẩy sự phát triển của hoạt động du lịch. Thực tế cho thấy một tác động tích cực khi phát triển du lịch ở Vườn quốc gia có thể kể đến là giúp phát triển giao thông ở khu vực vùng đệm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển cho du khách và người dân địa phương. Kết nối đến Phong Nha - Kẻ Bàng có thể bằng các loại hình giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không. Tuyến đường Hồ Chí Minh mới được đầu tư nên chất lượng tốt; hệ thống đường tỉnh đang dần được nâng cấp và xây dựng. Chất lượng các tuyến đường giao thông nông thôn chưa tốt, tỉ lệ đường được rải nhựa chưa cao. Hệ thống bến đò du lịch chưa được xây dựng thích đáng. Các công trình giao thông cơ bản như bãi đỗ xe, giao thông cửa ngõ (điểm kết nối giao

thông thủy - bộ) còn ít. Trong vài năm qua, sân bay Đồng Hới đã được nâng cấp đáng kể để đón máy bay phản lực cỡ lớn hơn, sân bay được thiết kế với công suất 300 hành khách/giờ hoặc 500.000 khách/năm. Hiện nay Hãng Hàng không Việt Nam đang sử dụng máy bay ATR 72 (65 chỗ ngồi) hoặc Fokker 70 (79 chỗ ngồi) ba chuyến mỗi tuần, chặng Hà Nội - Đồng Hới, và TP Hồ Chí Minh - Đồng Hới. Tổng cộng, sáu chuyến bay mỗi tuần sẽ vận chuyển được 474 hành khách mỗi tuần (với máy bay Fokker 70) hay 24.648 hành khách đi và về Đồng Hới mỗi năm.

Như vậy, có thể thấy rằng phát triển du lịch đem lại những lợi ích không thể phủ nhận cho cơ sở hạ tầng và môi trường, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho người dân nhưng vẫn giữ duy trì nguyên vẹn những nét đặc trưng tiêu biểu như rừng nguyên sinh, hang động, sông, suối trong khu vực Di sản. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, do việc quản lý chưa đồng bộ, nên việc khai thác còn gặp nhiều hạn chế, như việc xả rác của khách du lịch ảnh hưởng đến môi trường địa phương, khai thác động vật hoang dã, khai thác rừng trái phép...

4. Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Phát triển du lịch bền vững là xu thế tất yếu của ngành du lịch thế giới. Du lịch bền vững cũng trở thành xu hướng thu hút sự quan tâm của du khách trong những năm gần đây. Phát triển du lịch bền vững di sản Phong Nha - Kẻ Bàng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển du lịch của tỉnh Quảng Bình và cả nước, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng. Sự phát triển du lịch thời gian qua đã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh Quảng Bình, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội, góp phần đáng kể vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và cải thiện sinh kế gia đình.

Tài nguyên du lịch của di sản Phong Nha - Kẻ Bàng rất phong phú và đa dạng. Tuy nhiên thời gian qua tài nguyên này chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, thế mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do những hạn chế về liên kết, về đầu tư phát triển sản phẩm mới, hạn chế do tính thời vụ và hạn chế do các điều kiện có liên quan khác như điều kiện cơ sở hạ tầng, khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch.

Việc phát triển du lịch bền vững không chỉ gói

gon trong mục tiêu bảo tồn di sản mà cần phải chú trọng đến sự phát triển của cộng đồng địa phương. Người dân địa phương chính là chủ thể và là phần hồn của di sản. Sự ủng hộ của cộng đồng địa phương là một điều kiện cần trong phát triển du lịch di sản, chỉ có thể đạt được khi họ được hưởng lợi công bằng từ các hoạt động phát triển du lịch. Đây là một mục tiêu không phải dễ thực hiện trong quá trình phát triển du lịch ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phát triển du lịch ở khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng có những tác động tích cực và tiêu cực đến địa phương trên 3 góc độ: kinh tế, xã hội và môi trường. Trong đó có thể kể đến như du lịch giúp người dân có công ăn việc làm, gia tăng thu nhập, cải thiện cơ sở hạ tầng đường bộ, tạo thêm nhiều mỹ cảnh cho địa phương.... Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng đã chỉ ra rằng các lợi ích kinh tế mà người dân nhận được từ hoạt động du lịch chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và mang tính thời vụ. Người dân địa phương sống trong vùng di sản nhìn chung chưa hài lòng lắm với sự phát triển du lịch của tỉnh nhà. Họ cần được hỗ trợ nhiều hơn nữa về vốn và kiến thức để phát triển hoạt động kinh doanh du lịch, chẳng hạn làm homestay hoặc nhà vườn. Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là một định hướng đúng đắn của tỉnh Quảng Bình, nhưng chỉ tập trung vào các vùng nông thôn và huyện miền núi, số lượng vụ tai nạn giao thông tăng lên do mật độ lưu thông cao hơn trước...

Kiến nghị

Đối với Trung ương: Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành liên quan cần quan tâm, hỗ trợ kinh phí cho tỉnh Quảng Bình để triển khai thực hiện Chương trình phát triển bền vững ngành du lịch, trong đó ưu tiên thực hiện Quy hoạch phát triển bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 và **Đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền**

Ghi chú:

1. Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới lần thứ nhất vào năm 2003 với tiêu chí (viii) về địa chất - địa mạo; lần thứ 2 năm 2015 với tiêu chí (iii) về Hệ sinh thái hang động; và tiêu chí (x) về Đa dạng sinh học.

vững biển và hải đảo. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam tổng kết các mô hình triển khai Chương trình 158 ở các tỉnh làm thí điểm; sớm hoàn thiện Chiến lược và Kế hoạch hành động Quản lý tổng hợp đới bờ Quốc gia. Đồng thời tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Bình sớm tham gia Tổ chức quản lý môi trường các biển Đông Á (Pemsea) để được hỗ trợ cách tiếp cận mới đối với biển và vùng bờ.

Đối với tỉnh Quảng Bình: Tỉnh cần hỗ trợ kinh phí để đầu tư trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực giám sát, điều tra và kiểm soát các hoạt động phát triển ngành du lịch nói chung của tỉnh và du lịch tại Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng; Cần có chính sách hỗ trợ cho người dân địa phương thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng dần thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành nghề phù hợp nhằm phục vụ phát triển du lịch bền vững, khuyến khích người dân xây dựng được những sản phẩm đặc trưng của vùng, mang thương hiệu riêng cho tỉnh Quảng Bình; Có những chính sách ưu đãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế du lịch nói riêng theo hướng bền vững.

Đối với khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng: cần nâng cao nhận thức của đối tượng quản lý để bảo vệ tài nguyên rừng, động thực vật và di tích thắng cảnh; nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp du lịch, các nhà đầu tư để bảo vệ môi trường địa phương, tránh phát triển du lịch theo cách “ăn xổi”, chỉ tập trung vào khai thác, lơ là việc bảo vệ; cuối cùng là nâng cao nhận thức của cộng đồng Vùng đệm Vườn quốc gia về phát triển du lịch về những lợi ích của phát triển du lịch và cảnh báo họ những tác động tiêu cực do phát triển du lịch, để người dân có trách nhiệm hơn trong việc chung tay phát triển bền vững du lịch tại khu vực này.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Xây dựng (2017), *Báo cáo tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030*.
- Bùi Thị Minh Nguyệt (2012), 'Giải pháp phát triển du lịch sinh thái bền vững tại Vườn quốc gia Ba Vì', *Tạp chí khoa học và công nghệ Lâm nghiệp*, 1, 148-160.
- Chi cục Thống kê huyện Bố Trạch - tỉnh Quảng Bình (2017), *Niên giám thống kê năm 2015, 2016, 2017*.
- Choi, H. S. C., & Sirakaya, E. (2005), 'Measuring residents' attitude toward sustainable tourism: Development of sustainable tourism attitude scale', *Journal of Travel Research*, 43(4), 380-394.
- Hens, L. (1998), *Tourism and Environment*, M.Sc. Course, Free University of Brussel, Belgium.
- Lane, B. (1994), 'Sustainable rural tourism strategies: A tool for development and conservation', *Journal of sustainable tourism*, 2(1-2), 102-111.
- Mason P. (2011), *Tourism Impacts, Planning and Management*, Oxford: Elsevier Publisher.
- Quốc hội (2011), *Luật Du lịch Việt Nam và các văn bản thi hành*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Sadler, B. (1988), *Natural capital and borrowed time: the global context of sustainable development*, Victoria, BC, Canada, Institute of the North American west.
- Sharpley, R. (2000), 'Tourism and sustainable development: Exploring the theoretical divide', *Journal of Sustainable tourism*, 8(1), 1-19.
- Telfer D. J., & Sharley R. (2008), *Tourism and Development in the Developing World*, New York: Routledge Publisher.
- Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 1272/QĐ-TTg về việc Xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt*, ban hành ngày 12 tháng 8 năm 2009.
- Thủ tướng Chính Phủ (2013), *Quyết định số 201/QĐ-TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2013.
- Tosun, C. (1998), 'Roots of Unsustainable Tourism Development at the Local Level: The Case of Urgup in Turkey', *Tourism Management*, 19 (6), 595-610.
- Trần Thị Mai, Vũ Hoài Phương, La Anh Hương & Nguyễn Khắc Toàn (2006), *Giáo trình Tổng quan du lịch*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- Trịnh Phi Hoàng (2013), 'Nghiên cứu tiềm năng tự nhiên phục vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững ở tỉnh Đồng Tháp', *Tạp chí Khoa học ĐHSP Tp.HCM*, (47), 76-86.
- UNWTO, T. O. (2014), *Tourism Highlights*, 2014 edition. World.
- Weaver D., & Lawton L. (2006), *Tourism Management (3th ed.)*, Milton: John Wiley & Sons Publisher.
- Yamane, T. (1973), *Statistics: an introduction analysis*, Harper & Row.